



Review Article

Can Tho City Socio-Economic and Environmental Transformation Based on Sustainability: Situation and Solution

Tran The Nhu Hiep*

*Can Tho Science and Technology Application Centre, 36 Ly Thuong Kiet,
Ninh Kieu, Can Tho City, Vietnam*

Received 10 June 2019

Revised 06 December 2019; Accepted 17 September 2019

Abstract: Sustainable development, an indispensable trend in the global strategy, aims to tackle severe conflicts in economic development (economic growth), social stability (advancement, social equality, poverty reduction, and employment) and environmental protection (treatment of pollution, management of rational use of natural resources, and management of natural disaster risk). To achieve the goal of "growth model-based sustainable development", Can Tho City (CTC) focuses on identifying resources, growth motives, difficulties and opportunities to implement appropriate solutions. The article uses the data on CTC's economic, social, and environmental development realities to propose some viewpoints related to the challenges of sustainable development in the Mekong Delta.

Keywords: Economic, social, and environmental transformation, sustainable development.

* Corresponding author.

E-mail address: tranhiep72@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4184>



Chuyển đổi kinh tế xã hội và môi trường Thành phố Cần Thơ theo hướng bền vững: Thực trạng và định hướng giải pháp

Trần Thế Như Hiệp*

Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN thành phố Cần Thơ, Số 36, Lý Thường Kiệt, TP. Cần Thơ, Việt Nam

Nhận ngày 10 tháng 6 năm 2019

Chỉnh sửa ngày 16 tháng 9 năm 2019; Chấp nhận đăng ngày 19 tháng 9 năm 2019

Tóm tắt: Phát triển bền vững là một xu thế tất yếu trong chiến lược toàn cầu nhằm giải quyết những xung đột nghiêm trọng trong phát triển kinh tế (tăng trưởng kinh tế), ổn định xã hội (tiền bộ, bình đẳng xã hội, giảm nghèo và việc làm) và bảo vệ môi trường (xử lý ô nhiễm, quản lý sử dụng hợp lý tự nhiên nguồn lực và quản lý rủi ro thiên tai). Để đạt được mục tiêu “phát triển bền vững liên quan đến mô hình tăng trưởng”, thành phố Cần Thơ tập trung vào việc xác định các nguồn lực, động lực tăng trưởng, khó khăn và cơ hội để thực hiện các giải pháp phù hợp. Bài viết sử dụng dữ liệu về thực tế phát triển của TPCT trong kinh tế, xã hội và môi trường để đóng góp một số quan điểm liên quan đến thách thức phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long.

Từ khóa: Chuyển đổi kinh tế, xã hội, môi trường, phát triển bền vững.

1. Đặt vấn đề

Hội nhập và toàn cầu hóa đã và đang tác động mạnh mẽ đến nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam ở tất cả các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường. Vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), trong đó có thành phố Cần Thơ (TPCT) - là khu vực cung ứng hàng hoá nông sản tiêu thụ nội địa, xuất khẩu và có đóng góp tích cực cho nền kinh tế cả nước. Qua hơn 30 năm phát triển, các lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi

trường của ĐBSCL nói chung và TPCT nói riêng đã có sự chuyển biến mạnh mẽ theo hướng tích cực nhưng để đạt được mục tiêu phát triển bền vững trong thời gian tới vẫn còn nhiều vấn đề cần được quan tâm, thảo luận.

Bài báo sử dụng các số liệu tiêu biểu về phát triển kinh tế, xã hội và môi trường của TPCT kết hợp với các phương pháp diễn dịch, quy nạp để luận giải các vấn đề liên quan thách thức trong quá trình phát triển ĐBSCL theo quan điểm phát triển bền vững và hàm ý một số giải pháp trên cơ sở thực tiễn của TPCT.

*Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: tranhiep72@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4184>

2. Tổng quan thách thức của vùng đồng bằng sông Cửu Long và thành phố Cần Thơ đối với mục tiêu phát triển bền vững

Vùng ĐBSCL hay còn được gọi là vùng Tây Nam Bộ chiếm 12% tổng diện tích và 22% dân số cả nước (có sự đa dạng lớn về dân tộc, văn hóa và tôn giáo tín ngưỡng) và hàng năm cung ứng 50% sản lượng lúa, 90% lượng gạo xuất khẩu, 65% lượng thủy sản, và 70% lượng trái cây của cả nước..., bao gồm 13 tỉnh thành với 400 km đường biên giới với Campuchia và 700 km tiếp giáp với biển Đông và Vịnh Thái Lan tạo cho vùng có một vị trí đặc biệt quan trọng so với cả nước; vị trí địa lý giúp cho vùng ĐBSCL có mối liên hệ mở cả trên đất liền lẫn trên biển với các nước trong khu vực. Bên cạnh đó, hệ thống lưu vực sông Cửu Long được xem là nét độc đáo của hệ sinh thái sông nước, giúp cho vùng ĐBSCL gắn bó mật thiết với hệ sinh thái của khu vực sông Mekong (gồm các quốc gia Campuchia, Lào, Myanmar, Thái Lan, Việt Nam và Vân Nam của Trung Quốc) nên yếu tố môi trường và phát triển bền vững luôn được xem trọng.

Từ năm 2003, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 21-NQ/TW và Thủ tướng Chính phủ đã có Chỉ thị 14/2003/CT-TTg tạo điều kiện thuận lợi và mở ra thời kỳ phát triển mới cho vùng ĐBSCL. Nhờ vào các chủ trương, chính sách mang tính chất định hướng của Bộ Chính trị đã ban hành mà nhiều năm qua các lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường của vùng ĐBSCL đã có nhiều đột phá, cơ sở hạ tầng và mức sống của người dân được nâng lên rõ rệt; mối quan hệ quốc tế, an ninh quốc phòng và vai trò đảm bảo an ninh lương thực quốc gia đã được khẳng định. Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập kinh tế và những chuyển biến bất lợi của biến đổi khí hậu như hiện nay thì vùng ĐBSCL đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững do các lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường còn nhiều bất cập chững hạn như cơ sở hạ tầng vẫn còn yếu kém, công tác quy hoạch vùng, quy hoạch tổng thể chưa được quan tâm đúng mức, chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu, quy mô các doanh nghiệp còn nhỏ, đầu tư cho sản phẩm hàng hóa không

ổn định, môi trường bị ô nhiễm,... Đặc biệt là chuyển dịch cơ cấu kinh tế và công tác hoạch định kế hoạch hành động, thực thi chủ trương chính sách phát triển kinh tế, xã hội, môi trường trên cơ sở liên kết vùng.

Đối với TPCT, được tái lập trên cơ sở chia tách tỉnh Cần Thơ (cũ) và được công nhận là đô thị loại I trực thuộc Trung ương với kỳ vọng tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nam bộ (Bộ Chính trị, 2005; Chính Phủ, 2004; Chính Phủ 2009) [1-3]. Thành phố Cần Thơ hiện là đô thị nằm ở vị trí trung tâm của ĐBSCL và có vai trò quan trọng trong thúc đẩy phát triển kinh tế của vùng và quốc gia. Trải qua hơn ba mươi năm đổi mới, các lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường của TPCT đã đạt nhiều thành tựu nổi bật. Nền kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp xây dựng và thương mại dịch vụ. Minh chứng là từ nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp vào năm 1976 (khu vực I chiếm đến 67% trong cơ cấu kinh tế) đến nay khu vực I chỉ còn chiếm hơn 7% trong cơ cấu kinh tế; các khu vực II và III của TPCT đã trở thành thế mạnh và chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế. Hơn nữa, các chỉ số phát triển con người như HDI, GDI, và HPI của TPCT đã được cải thiện rõ rệt, nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu cơ bản của người dân về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, môi trường sống, chất lượng giáo dục, dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe được nâng cao; giảm tỷ lệ nghèo, tiến trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ và tác động đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Để phát triển bền vững trong tương lai, TPCT đã xây dựng nhiều đề án quan trọng như tái cơ cấu kinh tế, tái cơ cấu các lĩnh vực ngành, quy hoạch phát triển đô thị, phát triển nhà ở,... Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thách thức đặt ra cho mục tiêu phát triển bền vững của TPCT như (i) có lợi thế sở hữu các lợi thế về vị trí địa lý, giao thông, nhân lực,... nhưng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh chưa xứng tầm; chưa phát huy được tiềm năng, lợi thế như thương mại dịch vụ chưa kết nối vùng ĐBSCL, chưa phát triển dịch vụ logistics; lĩnh vực công nghiệp chưa phát triển mạnh các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, chưa phát triển công nghiệp phụ trợ; lĩnh vực nông nghiệp chưa nâng

cao được t trọng nông nghiệp công nghệ cao, thiếu liên kết vùng nguyên liệu, cung ứng dịch vụ nông nghiệp,..; đô thị hóa gắn với phát triển bền vững, phát triển đô thị thông minh, đô thị có khả năng chống chịu,..

Để tiếp tục phát triển bền vững gắn với mô hình tăng trưởng kinh tế đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên cơ sở khai thác tối đa tiềm năng và thế mạnh hiện có theo tinh thần Nghị quyết 21-NQ/TW và Nghị quyết 45-NQ/TW; cần lưu ý những điểm mạnh, điểm yếu trong phát triển của TPCT:

- Điểm mạnh (i) TPCT là địa phương đang giữ vị thế trung tâm của vùng ĐBSCL có cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh ở khu vực I và II theo hướng giảm nhanh tỷ trọng khu vực I và tăng mạnh ở khu vực II¹; các ngành kinh tế chủ lực gồm công nghiệp chế biến, tài chính tín dụng, bất động sản và hạ tầng thương mại dịch vụ hiện đại rất thuận lợi để phát triển công nghiệp và thương mại dịch vụ; (ii) thu nhập bình quân USD/người tăng nhanh, chỉ số HDI tăng cao hơn bình quân cả nước và có lợi thế về nguồn nhân lực chất lượng cao; (iii) chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh (PCI) ổn định.

- Điểm yếu (i) hiệu quả sử dụng vốn đầu tư toàn xã hội chưa cao, TFP chưa cao và tăng chậm qua các năm, chuyển dịch lao động chưa cân xứng với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nên chưa phát huy được lợi thế lao động chất lượng cao; (ii) thu hút đầu tư từ khu vực kinh tế tư nhân và FDI gặp khó khăn do giảm lợi thế cạnh tranh về giá thuê đất và giá lao động so với các tỉnh trong vùng; (iii) xuất khẩu và công nghiệp còn lệ thuộc vào chế biến thủy sản và lúa gạo, còn lệ thuộc vào các thị trường nhập khẩu truyền thống như Trung Quốc, Mỹ...; logistics và công nghiệp phụ trợ chưa phát triển; (iv) doanh nghiệp nhỏ và vừa còn chiếm tỉ lệ lớn, thiếu các doanh nghiệp quy mô lớn đầu ngành có vai trò dẫn dắt; (v) chưa phát huy hết tiềm năng của cơ sở hạ tầng và thiếu

nguồn nhân lực chất lượng cao cho mục tiêu phát triển dài hạn.

Đặc biệt, bên cạnh những cơ hội do hội nhập kinh tế quốc tế mang lại những thách thức trong dài hạn mà TPCT phải đối mặt như (i) hội nhập kinh tế quốc tế có nhiều cơ hội nhưng cũng kèm theo nhiều diễn tiến bất lợi và biến động khó lường; (ii) quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông vùng Tây Nam Bộ đến năm 2030 khiến cho TPCT mất dần lợi thế trung tâm của vùng ĐBSCL² (Thủ tướng Chính phủ, 2013) [4]; (iii) thị trường công nghiệp phụ trợ và logistics của vùng ĐBSCL đang trong giai đoạn phát triển nên khi Cần Thơ chọn logistics và công nghiệp phụ trợ là nhân tố đột phá sẽ có được lợi thế tiên phong nhưng cũng sẽ đối mặt với nhiều khó khăn liên quan đến thể chế, đầu tư hạ tầng kết nối,...; (iv) để tiếp tục duy trì kim ngạch xuất khẩu và định hướng chuyển dịch xuất khẩu sang nông sản chế biến (trái cây, rau củ quả,..) nếu không chủ động quy hoạch vùng nguyên liệu, TPCT có thể bị rơi vào thế “lệ thuộc vùng nguyên liệu” với các tỉnh ĐBSCL đòi hỏi TPCT phải có quy hoạch và chiến lược phát triển phù hợp; (v) trong thời gian tới, dự báo sẽ có nhiều điều chỉnh vĩ mô liên quan đến sắp xếp lại bộ máy quản lý, biên chế và các điều chỉnh liên quan đến kinh tế vĩ mô nên đòi hỏi TPCT phải linh hoạt trong chỉ đạo điều hành và cần chủ động chuẩn bị nhiều kịch bản ứng phó đối với các thay đổi nhanh và khó lường trước và để tránh bị động.

3. Chuyển đổi kinh tế xã hội và môi trường của thành phố Cần Thơ: Kết quả, bài học kinh nghiệm và hàm ý giải pháp

Thành phố Cần Thơ được xem là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học công nghệ của vùng ĐBSCL với tứ cận gồm Bắc giáp tỉnh An Giang, Nam và Tây Nam giáp tỉnh Hậu Giang, Đông giáp tỉnh Đồng Tháp và tỉnh Vĩnh Long và phía Tây giáp tỉnh Kiên Giang (Hình 1).

¹ Năm 2000: KVI 22,6%, KVII 31,1%, KVIII 46,3%; năm 2016: KVI 9,3%, KVII 32,5%, KVIII 58,2%

²Cụ thể quy hoạch 06 tuyến trục dọc gồm N1, N2, QL1, QL60, cao tốc TP. HCM – Trung Lương, đường bộ ven

biển; 09 tuyến trên các trục ngang gồm QL 30, 53, 54, 57, 61, 62, 63, 80 và 91.



Hình 1. Bản đồ TPCT và mối liên hệ vùng.

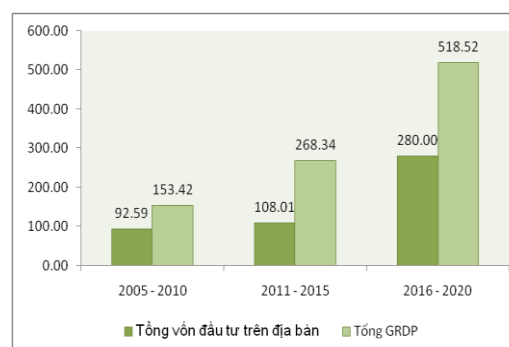
(Nguồn: Viện Kinh tế Xã hội thành phố Cần Thơ, 2016) [5]

3.1. Kết quả chuyển đổi kinh tế xã hội và môi trường của TPCT

Kể từ khi TPCT được công nhận đô thị loại I trực thuộc Trung ương vào năm 2009, cơ cấu kinh tế thành phố chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tăng dần khu vực thương mại dịch vụ, công nghiệp và xây dựng, giảm dần khu vực nông nghiệp. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2011 – 2015 đạt 16%/năm³; giai đoạn 2016 – 2020 là 15%/năm⁴. Dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2021 – 2030 đạt 10,5%/năm⁵.

Năm 2015, tỷ trọng khu vực III 47,1%, khu vực II 47%, khu vực I 5,9%; GDP bình quân đầu người đạt 3.200 USD. Tiếp đến năm 2016, là năm thứ tư liên tiếp TPCT duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định với GRDP năm 2016 tăng 7,55%; ngành công nghiệp chế biến duy trì tốc độ phát triển với chỉ số phát triển sản xuất tăng 9,72%, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng 9,5%; GRDP bình quân/người đạt 65,3 triệu đồng. Sang năm 2017, GRDP đạt trên 66,6 nghìn

tỷ đồng (tăng 7,83% so với năm 2016, vượt 0,03% kế hoạch), tỷ trọng của ba khu vực I, II và III tương ứng là 8,7%; 32,65% và 58,65%. GRDP bình quân/người đạt 72,96 triệu đồng (tăng 11,2%, khoảng 7,3 triệu đồng so với năm 2016). Tổng sản phẩm trên địa bàn đóng góp cho vùng ĐBSCL từ 9,3% (2005) lên 14,3% (2015); là một trong 13 đơn vị cấp tỉnh trong cả nước và là đơn vị duy nhất trong 13 tỉnh thành vùng ĐBSCL thực hiện điều tiết ngân sách về Trung ương (Hình 2, 3 và 4).

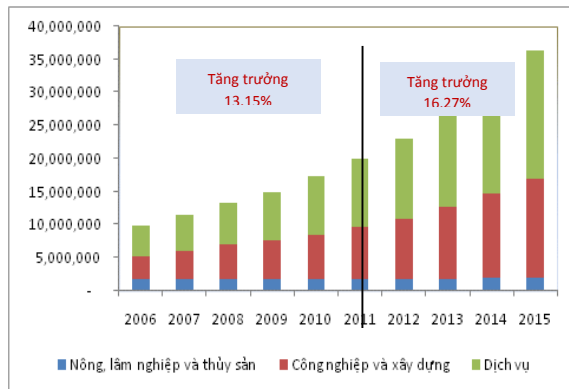


Hình 2. Biểu đồ so sánh tổng vốn đầu tư/GRDP (triệu tỷ đồng).

³Trong đó khu vực III tăng 17%/năm, khu vực II tăng 17,5%/năm, khu vực I tăng 2,7%/năm.

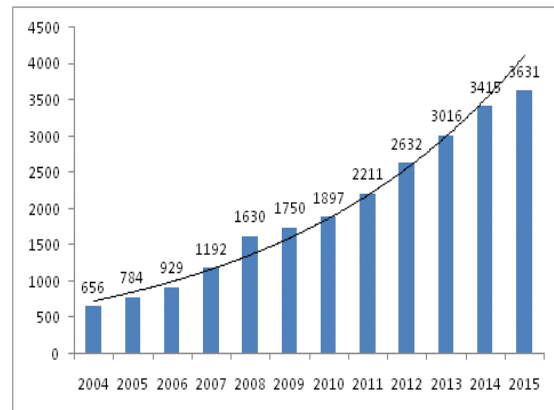
⁴Trong đó khu vực III tăng 15,3%/năm, khu vực II tăng 16%/năm, khu vực I tăng 2,5%/năm.

⁵Trong đó khu vực III tăng 10,9%/năm, khu vực II tăng 10,4%/năm, khu vực I tăng 2%/năm.



Hình 3. Biểu đồ GTSX TPCT phân theo khu vực kinh tế (2006 – 2015).

(Nguồn: Sở Công Thương thành phố Cần Thơ, 2016) [7]



Hình 4. Biểu đồ thu nhập BQĐT qua các năm (USD).

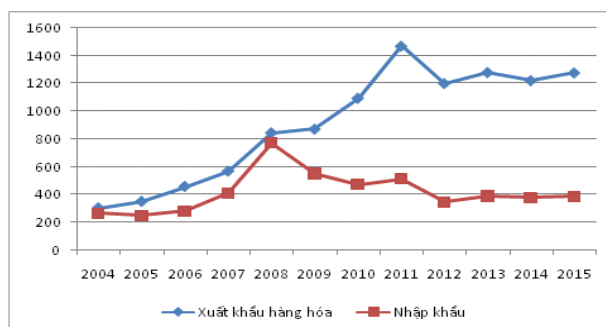
Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư để tăng giá trị GRDP có tăng, cụ thể tỷ lệ tổng vốn đầu tư/GRDP đã giảm từ 60,4% chỉ còn 40,3% giữa giai đoạn 2005–2010 và giai đoạn 2011–2015; kế hoạch trong giai đoạn 2016–2020 của chỉ số này là 54,0% (trong khi đó yêu cầu mức độ huy động vốn tăng ở mức 159% nhu cầu cầu vốn lớn trong trung hạn). Kết quả này là do trong điều kiện nguồn vốn ngân sách trung ương và địa phương hạn chế, TPCT đã tập trung nhiều giải pháp hiệu quả để kêu gọi vốn đầu tư từ khu vực tư nhân đầu tư cho cơ sở hạ tầng và các ngành công nghiệp chủ lực.

Xuất khẩu có vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế của TPCT. Tổng kim ngạch xuất khẩu chiếm 41,47% GRDP, trong đó xuất khẩu hàng hóa chiếm 33,22% GRDP. Ngành công nghiệp chế biến được xem là thế mạnh và là nền tảng để thực hiện mục tiêu "phát triển thành phố công nghiệp đến năm 2020", chiếm 67,25% tổng GTSX công nghiệp (Niên giám thống kê thành phố Cần Thơ, 2015) [6], tuy nhiên lại có xu hướng sụt giảm từ trong giai đoạn 2011-2016. Nhờ vào việc thành phố điều chỉnh các giải pháp điều hành xuất nhập khẩu, tập trung giải quyết các khó khăn của doanh nghiệp, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến xuất khẩu,... Đặc biệt, TPCT

chú trọng chủ trương tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn, công nghệ cao nên xuất khẩu đã có dấu hiệu phục hồi từ đầu năm 2017. Tuy nhiên các mục tiêu về tăng hàm lượng sản phẩm giá trị gia tăng, quản lý chuỗi cung ứng xuất khẩu, sản xuất nông nghiệp gắn kết được chuỗi giá trị nông sản vẫn đang là thách thức lớn đối với lĩnh vực xuất khẩu của TPCT.

Bên cạnh lĩnh vực kinh tế, phát triển xã hội, môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu của TPCT cũng đạt được nhiều kết quả quan trọng, cụ thể:

- Chỉ số phát triển con người (HDI) giai đoạn 2004-2014 của TPCT đã có chuyển biến vượt bậc. Cụ thể, với xuất phát điểm là 0,545 vào năm 2004 (thấp hơn của cả nước là 0,590 và vùng ĐBSCL là 0,567); đến năm 2014 đạt 0,689 (cả nước là 0,642, vùng ĐBSCL là 0,621), năm 2015 tiếp tục tăng lên 0,728 cho thấy từ năm 2007, chỉ số HDI của TPCT luôn tăng nhanh và cao hơn nhiều cả nước và ĐBSCL; thứ hạng của Cần Thơ được cải thiện nhanh chóng và đứng ở vị trí cao trong bản đồ HDI, vươn lên vị trí thứ 6 cả nước. Kết quả này cho thấy cùng với gia tăng thu nhập, chất lượng cuộc sống của người dân TPCT đã được cải thiện đáng kể từ khi TPCT trực thuộc Trung ương.



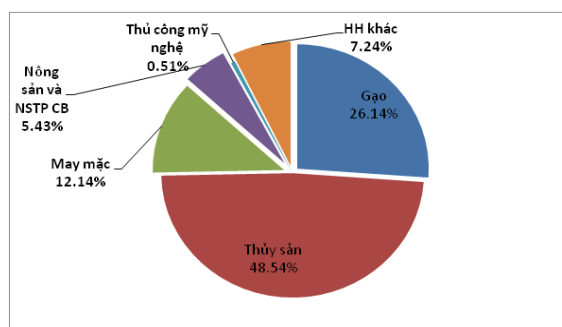
Hình 5. Kim ngạch xuất nhập khẩu của TPCT (triệu USD).

(Nguồn: Sở Công Thương thành phố Cần Thơ, 2016) [7].

- Lĩnh vực giáo dục đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, TPCT có nhiều lợi thế do có nhiều trường đại học công lập lớn cùng với hệ thống các trường đại học tư thục mới được thành lập đã có tích cực, tạo sự cạnh tranh về chất lượng đào tạo; chất lượng đào tạo tại các trường đại học liên tục được cập nhật và hoàn thiện. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gia tăng lợi thế cạnh tranh về lao động,... TPCT cần xây dựng chiến lược, lộ trình và cơ chế chính sách hợp lý về cả đào tạo lẫn thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển.

- Lĩnh vực y tế giai đoạn 2000-2015 có nhiều chuyển biến tích cực, cụ thể số giường bệnh trên 10.000 dân tăng từ 14 lên 32; số bác sĩ trên 10.000 dân tăng từ 4,3 lên 12,9; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm từ 18% xuống 10,5%; năng lực dự báo, giám sát và phòng chống dịch bệnh đã được nâng cao; kỹ thuật y tế

⁶ Công ty TNHH Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao Nhật Việt (sản phẩm bột cá), công ty TNHH Hoàng Thắng (sản phẩm máy gieo hạt), Công ty cổ phần sữa gạo Calevy (sản phẩm sữa gạo), Công ty TNHH Nuôi Yến Huyết Việt Nam (sản phẩm bột yến sào thảo dược), Công ty TNHH MTV Sinh học nông nghiệp Hà Anh (sản phẩm thực phẩm chức năng từ nguồn nguyên liệu cao nấm Cordyceps militaris từ gạo), Công ty TNHH Surio (sản phẩm trà túi lọc nhân sâm từ công nghệ trồng sâm thủy canh), sản phẩm máy bơm bùn kết hợp với cắt dị vật (Công ty TNHH MTV Cơ khí chế tạo máy Tín Đức).



Hình 6. Cơ cấu các ngành hàng xuất nhập khẩu của TPCT năm 2016.

ngày càng phát triển, cơ sở vật chất của các bệnh viện ngày càng hoàn thiện;

Về ươm tạo KH&CN: Bên cạnh các hoạt động nghiên cứu ứng dụng KH&CN. Thành phố Cần Thơ đã thành lập Vườn ươm Công nghệ Công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc (KVIP) để thực hiện vai trò ươm tạo công nghệ. Đến thời điểm cuối năm 2018, KVIP đã và đang hỗ trợ cho hơn 7 doanh nghiệp tham gia ươm tạo⁶; thường xuyên tổ chức giới thiệu về ươm tạo và hệ sinh thái khởi nghiệp cho sinh viên các trường Cao đẳng Cần Thơ; Đại học Kỹ thuật công nghệ Cần Thơ; thường xuyên triển khai thực hiện các hoạt động nghiên cứu⁷ tạo ra nhiều sản phẩm giá trị gia tăng đáp ứng nhu cầu thị trường.

Về thích ứng với biến đổi khí hậu, theo dự báo dưới tác động của BĐKH có khoảng 96% diện tích thành phố Cần Thơ sẽ bị ngập, cùng với nhiều diễn tiến bất lợi của thời tiết, thiên tai⁸. Trước những cảnh báo và tác động xấu của BĐKH, ngày 06/02/2012 Thành ủy Cần Thơ đã

⁷ Hỗ trợ các đơn vị Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu Quang Hưng Fruit nghiên cứu sản phẩm sản phẩm mẩu xoài sấy dẻo xuất khẩu thử nghiệm sang thị trường Hàn Quốc; Công ty Phạm Nghĩa T&I nghiên cứu phát triển và thử nghiệm sản phẩm xúc xích cá thát lát xông khói; Công ty Sữa sen Ba Tri cải tiến kỹ thuật và quy trình công nghệ bảo quản nước hạt sen; nghiên cứu chế biến xoài sấy dẻo tạo hình tận dụng nguồn xoài chín thứ phẩm tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

⁸ Theo kịch bản trung bình (B2), đến năm 2050 TPCT bị ngập ở độ sâu khoảng 23-27 cm và đến 2100 có thể ngập đến 59-75 cm.

ban hành Nghị quyết số 07-NQ-TU về quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và ứng phó với BĐKH trên địa bàn; đồng thời, TPCT đã chuẩn bị các bước nghiên cứu để xây dựng bản đồ nguy cơ ngập lụt, bản đồ triều dâng, bản đồ các vùng thấp theo các kịch bản nước biển dâng; triển khai xây dựng vận hành hệ thống thông tin tài nguyên môi trường và khí tượng thủy văn phục vụ quản lý điều hành và cảnh báo thiên tai; tăng cường ứng dụng công nghệ viễn thám, công nghệ hiện đại trong công tác dự báo, cảnh báo, điều tra, đánh giá, ứng phó với BĐKH; xây dựng hoàn thiện kế hoạch ứng phó biến đổi khí hậu dài hạn 2015 – 2030, tầm nhìn 2050, áp dụng thí điểm phương thức quản lý tổng hợp, thống nhất về tài nguyên, môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

3.2 Đánh giá chung và bài học kinh nghiệm

Khái quát chung chuyển đổi kinh tế, xã hội và môi trường của TPCT:

(i) về tăng trưởng kinh tế: cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh ở khu vực I và II theo hướng giảm nhanh tỷ trọng khu vực I và tăng mạnh ở khu vực II trong khi khu vực III cũng tăng nhưng với tốc độ chậm hơn⁹; kinh tế TPCT chuyển dịch theo hướng nâng cao tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến và thương mại dịch vụ (chủ lực là công nghiệp chế biến, thương nghiệp, tài chính tín dụng, bất động sản, và nhà hàng khách sạn), giảm tỷ trọng ngành nông lâm ngư nghiệp.

(ii) Về đóng góp của tăng trưởng: GRDP/người tăng gấp 5,53 lần, rút ngắn khoảng cách giữa thành thị và nông thôn; năng suất lao động tăng gấp 5,35 lần (từ 24,10 triệu đồng/LĐ tăng lên 128,97 triệu đồng/LĐ). Đóng góp của lao động vào tăng trưởng kinh tế lần lượt là 16,8% và 24,8% trong giai đoạn 2006-2010, 2011-2015; chỉ số HDI tăng cao hơn bình quân cả nước từ năm 2006 đến nay. TP. Cần Thơ xếp hạng trong top 3 tỉnh có HDI tăng nhanh.

(iii) Về chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh: Cần Thơ được đánh giá là rất ổn định và có những cải thiện đáng kể qua từng năm (chỉ số CPI luôn nằm trong top 15 tỉnh đứng đầu của cả nước).

Nhận định chung, chuyển đổi kinh tế, xã hội và môi trường của TPCT đã có nhiều thành tựu nhưng vẫn còn tiềm ẩn yếu tố thiếu bền vững. Nguyên nhân là do (i) mô hình tăng trưởng chưa theo chiều sâu, chưa khai thác hiệu quả đóng góp của TFP và năng suất lao động, chưa sử dụng hiệu quả nguồn lực vốn, chưa đảm bảo lợi thế cạnh tranh để thu hút đầu tư FDI và các thành phần kinh tế trong nước trong trung và dài hạn; (ii) phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, đổi mới khoa học công nghệ để tăng năng suất lao động, phát huy hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao trong cộng đồng doanh nghiệp chưa sâu rộng; doanh nghiệp còn thiếu chủ động và thiếu đột phá trong nhận diện, đón đầu xu thế cách mạng công nghệ 4.0; (iii) rủi ro tiềm ẩn từ tác động của biến đổi khí hậu ảnh hưởng lớn quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật của đô thị, nhiều thách thức trong phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường; giải quyết an sinh xã hội như y tế, giáo dục, nâng cao thu nhập và mức sống chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xu thế phát triển và của người lao động...

Bài học kinh nghiệm rút ra là:

(i) chưa xác định rõ sản phẩm chủ lực của ngành công nghiệp để tập trung đầu tư theo hướng tạo ra sản phẩm chế biến tinh, sản phẩm có giá trị gia tăng cao, phù hợp với các tiêu chuẩn mới của thị trường xuất khẩu. Chưa xác định rõ thương mại dịch vụ, du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn nên chưa phát huy hết tiềm năng, thế mạnh của lĩnh vực này (thực tiễn cho thấy thương mại dịch vụ luôn chiếm ưu thế trong cơ cấu kinh tế);

(ii) xuất khẩu là ngành công nghiệp chủ lực trên nền công nghiệp chế biến nông sản tự nhiên lĩnh vực này đang gặp khó khăn do các rào rào của thị trường nước ngoài và thiếu nguyên liệu

⁹ Năm 1976: NN 66,8%; năm 2000: KVI 22,64% - KVII 31,11% - KVIII 46,25%; năm 2016: KVI 9,32% - KVII 32,53% - KVIII 58,15%.

chất lượng; trình độ công nghệ và thiết bị của các doanh nghiệp chế biến chưa đáp ứng được yêu cầu chế biến tinh; công tác xúc tiến, tìm kiếm thị trường xuất khẩu của các doanh nghiệp còn hạn chế.

(iii) khoa học và công nghệ được ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực sản xuất và đời sống trên địa bàn TPCT nhưng các hoạt động chuyển giao ứng dụng, thương mại hóa các kết quả nghiên cứu KH&CN vào sản xuất vẫn còn nhiều bất cập. Cụ thể giai đoạn từ năm 2014 - 2018, thành phố Cần Thơ chỉ có 12 công nghệ (chiếm khoảng 10% so với tổng số 137 của vùng ĐBSCL và chiếm 15% trong tổng số 78 đề tài nghiên cứu của thành phố Cần Thơ) đã được chuyển giao trong sản xuất nông nghiệp và các lĩnh vực khác của đời sống. Tỷ lệ này là thấp so với tiềm năng của thành phố Cần Thơ; nguyên nhân là do nhiều quy trình, công nghệ sau khi nghiên cứu bước đầu cần phải được hoàn thiện hoặc khảo nghiệm nhưng thiếu kinh phí; vẫn còn một bộ phận các địa phương và doanh nghiệp thiếu quan tâm và thiếu kinh phí đầu tư cho đổi mới công nghệ; thiếu sự gắn kết giữa cung-cầu công nghệ,...

(iv) sức cạnh tranh thu hút đầu tư của TPCT bị sụt giảm do trở thành đô thị trực thuộc Trung ương khiến giá thuê đất cao hơn so với các địa phương lân cận (Hậu Giang, Vĩnh Long) nên chưa thật sự hấp dẫn, thu hút đầu tư.

(v) thị trường logistics của toàn vùng ĐBSCL hiện còn đang trong giai đoạn phát triển trong khi đó, TPCT có lợi thế rất lớn để phát triển logistics (có cảng hàng không, cảng biển Cái Cui, hệ thống giao thông kết nối và vị trí trung tâm) nhưng TPCT chưa khai thác hiệu quả tiềm năng này.

3.3. Giải pháp chuyển đổi bền vững kinh tế, xã hội và môi trường TPCT và hàm ý cho vùng ĐBSCL

Để chuyển đổi bền vững kinh tế, xã hội và môi trường của TPCT trong vai trò là động lực của vùng ĐBSCL theo Nghị quyết 45-NQ/TW của Bộ Chính trị về "xây dựng thành phố công nghiệp", "vai trò trung tâm vùng ĐBSCL", "vai trò đầu tàu của vùng kinh tế trọng điểm phía

Nam"; một số giải pháp cần quan tâm thực hiện từ nay đến năm 2030, bao gồm:

(i) khai thác hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế và phát huy lợi thế hạ tầng logistics hiện có để tăng nguồn vốn và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư toàn xã hội. Thành phố Cần Thơ ưu tiên lựa chọn các FTA, và thu hút đầu tư từ các quốc gia trong khu vực ASEAN và các nền kinh tế có khả năng chi phối kinh tế toàn cầu tham gia đầu tư, phát triển. Trong trung và dài hạn, TPCT chú trọng phát triển các lĩnh vực ngành có khả năng tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu (gạo, thủy sản, nông sản chế biến) và mở rộng các ngành mới như logistics, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp chế tạo,.. Đặc biệt, xây dựng cơ chế và chính sách để thu hút đầu tư FDI hoặc hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước trở thành doanh nghiệp dẫn dắt trong các lĩnh vực logistics, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp chế tạo, chế biến nông sản.

(ii) đổi mới công nghệ và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trên cơ sở khai thác lợi thế của trường đại học Cần Thơ, trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ và hệ thống các trường tư thục; cùng với các Viện, cơ quan nghiên cứu khoa học công nghệ để tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đón đầu xu thế cách mạng công nghệ 4.0 và cung ứng lao động chất lượng cao cho các nhà đầu tư FDI và trong nước hoạt động trên địa bàn TPCT và vùng ĐBSCL. Đặc biệt, cần khai thác hiệu quả Vườn ươm công nghệ Việt Nam-Hàn Quốc (KVIP) và các chương trình khoa học công nghệ của thành phố để thúc đẩy các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, tăng ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất kinh doanh, khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp phụ trợ, công nghiệp chế tạo,... hướng đến mục tiêu tăng đóng góp của yếu tố TFP cho tăng trưởng kinh tế.

(iii) tái cơ cấu nền kinh tế và từng lĩnh vực ngành trên cơ sở phân bổ hợp lý các nguồn lực (vốn, lao động, TFP) theo hướng phát triển kinh tế tri thức, phát triển cân đối và gia tăng mức đóng góp của các lĩnh vực công nghiệp, thương mại dịch vụ và nông nghiệp công nghệ cao cho tăng trưởng kinh tế bền vững. Cụ thể, tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao (bao gồm cả tập trung và

diện rộng) với các sản phẩm nông sản có giá trị gia tăng cao như gạo cao sản, nông sản xuất khẩu, cây dược liệu, cây con giống từ các quy trình sản xuất hiện đại như cây mô, thủy canh, sinh học. Tái cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tập trung vào công nghệ chế biến tinh, chế biến sản phẩm có giá trị gia tăng phù hợp thị hiếu xuất khẩu; đồng thời chuyển dịch cơ cấu nội ngành sang các ngành mới như logistics, công nghệ phụ trợ, công nghệ chế tạo, cơ khí chính xác,... Tái cơ cấu lĩnh vực thương mại dịch vụ theo hướng chất lượng cao gắn với du lịch, như y tế chất lượng cao, giáo dục chất lượng cao; chuyển dần từ thương mại bán lẻ sang bán buôn phù hợp với vị thế trung tâm logistics.

(iv) quy hoạch và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu, triển khai thực hiện các quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chung xây dựng TPCT đến năm 2050; quy hoạch phát triển đô thị, quy hoạch phát triển nhà ở, quy hoạch hạ tầng nông thôn mới và các quy hoạch lĩnh vực ngành gắn với các Đề án Đô thị thông minh, Chương trình “100 thành phố có khả năng chống chịu” (100RC) đảm bảo phát triển đô thị TPCT phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế về đô thị thông minh, đô thị có khả năng chống chịu để vừa thu hút đầu tư vừa linh hoạt ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

(v) ứng phó với thách thức trong dài hạn, TPCT chú trọng các nhóm giải pháp ứng phó với thách thức trong dài hạn như đã nêu bao gồm (i) ứng phó với những diễn tiến bất lợi và biến động khó lường của hội nhập kinh tế quốc tế, duy trì tăng trưởng xuất khẩu bằng cách xây dựng kịch bản xuất khẩu phù hợp trên cơ sở điều chỉnh thị trường xuất khẩu, điều chỉnh cơ cấu ngành hàng xuất khẩu, chuẩn bị các biện pháp thoát khỏi các rào cản kỹ thuật và rào cản thương mại của các quốc gia nhập khẩu,...; (ii) duy trì vị thế “trung tâm vùng ĐBSCL” trên cơ sở xây dựng các liên kết bền vững, theo nguyên tắc “cùng có lợi song phương và đa phương” với các địa phương trong vùng ĐBSCL, TP.HCM và các địa phương khác cả nước; (iii) trong chỉ đạo điều hành cần chuẩn bị các phương án, kịch bản ứng phó linh hoạt với những điều chỉnh vĩ mô của nền kinh tế, sắp xếp lại bộ máy quản lý nhà nước...

4. Kết luận

Chuyển đổi kinh tế, xã hội và môi trường để phát triển bền vững là xu thế tất yếu mang tính chiến lược toàn cầu. Tuy nhiên thực tiễn phát triển ở TPCT nói riêng và vùng ĐBSCL nói chung cho thấy vẫn còn nhiều bất cập và thách thức. Vấn đề chủ yếu cần được quan tâm là phải đảm bảo hài hòa, cân đối trong phát triển kinh tế (tăng trưởng kinh tế), ổn định xã hội (tiền bộ, công bằng xã hội; giảm nghèo và giải quyết việc làm) và bảo vệ môi trường (xử lý, khắc phục ô nhiễm; quản lý sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, quản lý rủi ro thiên tai) và nâng cao khả năng chủ động thích ứng với các cú shocks bao gồm cả khía cạnh kinh tế lẫn môi trường và biến đổi khí hậu. Để đạt được mục tiêu “phát triển bền vững gắn với mô hình tăng trưởng” và khẳng định vị thế trung tâm của vùng ĐBSCL theo Nghị quyết 21-NQ/TW và Nghị quyết 45-NQ/TW; trong thời gian tới TPCT chú trọng đến việc nhận diện đầy đủ thực trạng các nguồn lực, các động lực tăng trưởng, bối cảnh thuận lợi khó khăn, cơ hội thách thức để xây dựng các giải pháp và lộ trình thực hiện hợp lý./.

Tài liệu tham khảo

- [1] Chính Phủ, 2004. Nghị định số 05/2004/NĐ-CP ngày 02/01/2004
- [2] Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2009.
- [3] Bộ Chính trị, 2005. Nghị quyết số 45-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 17 tháng 02 năm 2005
- [4] Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 356/QĐ-TTg ngày 25/02/2013 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển giao thông vận tải đường bộ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, 2013.
- [5] Viện Kinh tế Xã hội thành phố Cần Thơ, Báo cáo chương trình phát triển nhà ở thành phố Cần Thơ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, 2016.
- [6] Niên giám thống kê Thành phố Cần Thơ, 2015.
- [7] Sở Công Thương thành phố Cần Thơ, Báo cáo hoạt động của ngành Công Thương, 2016.